

Bản án số: 167/2017/HSPT
Ngày: 18/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Thẩm phán: Ông Dương Xuân Tuấn

Bà Nguyễn Thị Chinh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 142/2017/HSPT ngày 21 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Vũ Đức T. Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Đối với bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo bị kháng nghị:

Vũ Đức T, Sinh năm 1990; Trú tại: Xóm 15, xã B, huyện G, tỉnh N; Là phạm nhân tại phân trại số 4 - Trại giam Thanh Lâm - Tổng cục 8 - Bộ Công an; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Vũ Đình Â (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; Tiền án: Ngày 17/8/2012 bị TAND huyện G, tỉnh N xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 13/4/2015 bị TAND huyện G, tỉnh N xử phạt 33 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày 17/4/2017 đến nay; có mặt.

NHẬN THẤY

Theo bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện N, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16h45' ngày 07/02/2017 phạm nhân Nguyễn Nam L ở đội 11 - Phân trại số 4 - Trại giam Thanh Lâm gọi phạm nhân Nguyễn Viết S ở đội 29 cùng phân trại lên sân 2 Buồng giam II.2 - Phân trại số 4 - Trại giam Thanh Lâm

để hỏi nợ số tiền vào khoảng tháng 12/2016 Nguyễn Viết S có vay mượn của L gần 300.000đ tiền mua đồ dùng sinh hoạt, do chưa có tiền trả nên S xin L khát nợ thêm một thời gian, L không đồng ý nên giữa L và S đã to tiếng cãi nhau. Nguyễn Nam L đã dùng tay túm cổ áo ghì đầu S xuống sàn, sau đó bất ngờ bị cáo Vũ Đức T ở cùng phản và chơi thân với L ngồi gần đó tự ý lao vào dùng chân phải đá một cái vào sườn trái và tiếp tục dùng đầu gối chân phải thúc mạnh một cái vào mặt phạm nhân Nguyễn Viết S, làm phạm nhân Nguyễn Viết S chảy máu miệng, mũi và mắt. Sau đó cán bộ trại giam đã lập biên bản và đưa Nguyễn Viết S đi cấp cứu.

Hậu quả: Phạm nhân Nguyễn Viết S bị chấn thương vùng mặt, gãy xương hàm trên. Tồn thương thị thần kinh hậu nhãn cầu. Được đưa đi điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa, thời gian điều trị từ ngày 07/02/2017 đến ngày 16/02/2017 ra viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 80/2017/TTPY ngày 20/3/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Thanh Hóa, kết luận Nguyễn Viết S bị tổn hại 46% sức khỏe.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST, ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, đã quyết định:

Áp dụng: Điểm i khoản 1, 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; khoản 2 Điều 51 BLHS 1999; khoản 3 Điều 7; điểm a, n khoản 1, 2 Điều 134 BLHS 2015; Điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 109/2015/QH 12; Điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/2016/QH13, ngày 29/6/2016 của Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Đức T 34 (ba mươi tư) tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt của bản án số 21/2015/HSST, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 40 tháng 06 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, bồi thường dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa kháng nghị phúc thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: áp dụng khoản 3 Điều 104 BLHS để xét xử và tăng mức hình phạt đối với bị cáo Vũ Đức T vì bị cáo đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích (đã tái phạm), trong thời gian đang chấp hành hình phạt tù của bản án số 21/2015/HSST lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo phải bị xét xử theo khoản 3 Điều 104 BLHS với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm”; Không áp dụng điểm a khoản 1, 2 Điều 134 BLHS 2015 với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa đề nghị: Không áp dụng Nghị quyết 109/ 2015/QH12; Nghị quyết 144/ 2016/QH13, ngày 29/6/2016 của Quốc Hội.

Áp dụng Khoản 3 Điều 104; Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7; Điểm a, d khoản 2 Điều 134 BLHS 2015, và tăng hình phạt đối với bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Bị cáo Vũ Đức T đã có 02 tiền án: Tại bản án số 68/2012/HSST, ngày 17/8/2012 của TAND huyện G, tỉnh N xử phạt bị cáo 25 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Trong khi chưa được xóa án tích, ngày 10/12/2014 bị cáo tiếp tục phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tại bản án số 21/2015/HSST, ngày 13/4/2015 của TAND huyện G, tỉnh N xử phạt bị cáo 33 tháng tù (thuộc trường hợp tái phạm).

Bị cáo đã tái phạm, trong thời gian đang chấp hành hình phạt tù của bản án số 21/2015/HSST, ngày 13/4/2015, thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 BLHS, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Bị cáo Vũ Đức T có hành vi gây thương tích cho phạm nhân Nguyễn Viết S mất 46% sức khỏe, nên phải bị xét xử theo khoản 3 Điều 104 BLHS với tình tiết định khung là “tái phạm nguy hiểm”. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 13/7/2017, khi Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội, đã có hiệu lực kể từ ngày 05/7/2017, nhưng bản án sơ thẩm vẫn áp dụng điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 109/ 2015/QH 12; Điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/ 2016/QH13, ngày 29/6/2016 của Quốc hội, là không chính xác, mà phải áp dụng khoản 3 Điều 7; Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điểm a, d khoản 2 Điều 134 BLHS 2015, để xét xử và tăng hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì vậy chấp nhận một phần kháng nghị của VKSND tỉnh Thanh Hóa về áp dụng điều luật và tăng hình phạt đối với bị cáo Vũ Đức T.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; Khoản 3 Điều 249 BLTTHS.

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án số 21/2017/HSST, ngày 13/7/2017 của TAND huyện N, về áp dụng điều luật và hình phạt.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; khoản 2 Điều 51 BLHS 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 Điều 7; Điểm a, d Khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015,

Xử phạt: Bị cáo Vũ Đức T 40 (bốn mươi) tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp với 06 tháng 06 ngày tù của bản án số 21/2015/HSST, ngày 13/4/2015 của TAND huyện G, tỉnh N. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 46 (bốn mươi sáu) tháng, 06 (sáu) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/4/2017.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện N;
- TAND huyện N;
- Công an huyện N;
- THA huyện N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Toà Hình sự.

Lê Thị Hiền